

BÀN LUẬN VỀ QUYỀN THỪA KẾ CỦA CÁ NHÂN ĐƯỢC SINH RA BẰNG KỸ THUẬT HỖ TRỢ SINH SẢN

NGUYỄN MINH OANH*

Bài viết nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam được áp dụng đối với người thừa kế là cá nhân được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; trong đó, một số quy định chưa rõ ràng hoặc chưa phù hợp đã gây khó khăn cho việc áp dụng trên thực tế, cũng như chưa bảo đảm được quyền thừa kế của cá nhân sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Từ đó, bài viết bước đầu đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về những hạn chế này.

Từ khoá: Sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, thừa kế, hàng thừa kế, thừa kế thế vị.

Ngày nhận bài: 06/7/2020; Biên tập xong: 15/7/2020; Duyệt đăng: 10/8/2020.

This article studies the Vietnamese law applying to an heir who is an individual born with assisted reproductive technology; including some unclear or inappropriate provisions that make it difficult to apply in practice as well as not guarantee the rights to inheritance of those individuals. Basing on the research's results, the article initially proposes recommendations to improve Vietnamese law on these limitations.

Keywords: Giving birth with assisted reproductive technology, inheritance, order of inheritance, inheritance by substitution.

Thừa kế là một chế định truyền thống và lâu đời nhất của pháp luật dân sự. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, bản chất của thừa kế không thay đổi và vẫn được hiểu là việc dịch chuyển tài sản từ người chết sang những người còn sống theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật thì các quan hệ pháp luật dân sự nói chung và các quan hệ thừa kế nói riêng cũng bị tác động không nhỏ. Sự ra đời của các kỹ thuật sinh sản mới là một bước tiến trong y học nhưng cũng mang lại những thách thức lớn trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và pháp lý phát sinh trong đó có thừa kế. Bài viết này nghiên cứu các quy định của pháp luật về thừa kế của người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ để đánh giá liệu các quy định truyền thống có thể được vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý mới hay không để từ đó tìm ra các giải pháp phù hợp.

1. Các trường hợp cá nhân được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản

“Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là việc sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh trong ống nghiệm”¹. Nói cách khác, sinh con bằng kỹ thuật sinh sản là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật y học hiện đại để can thiệp vào quá trình thụ thai của người phụ nữ nhằm mục đích giúp những cặp vợ chồng hiếm muộn, vô sinh hoặc phụ nữ độc thân có thể mang thai và có những đứa con như họ mong muốn. Sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đã thể hiện được sự phát triển vượt bậc của khoa học trong lĩnh vực y học, giải quyết được tình trạng vô sinh ở cả phụ nữ và nam giới do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như môi trường ô nhiễm, hóa chất độc hại hay di chứng của chiến tranh để lại, mang lại niềm vui và hạnh phúc cho nhiều gia đình.

* Tiến sĩ, Trưởng Bộ môn Luật dân sự, Khoa Pháp luật dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội

¹ Khoản 21, Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Hiện nay, có hai phương pháp chính không chỉ ngành y học Việt Nam mà toàn ngành y học các nước trên thế giới áp dụng đó là thụ tinh nhân tạo và thụ tinh trong ống nghiệm.

Một là, đối với phương pháp thụ tinh nhân tạo.

Dưới góc độ y học, thụ tinh nhân tạo được hiểu là thủ thuật bơm tinh trùng của chồng hoặc của người cho tinh trùng vào tử cung của người phụ nữ có nhu cầu sinh con để tạo phôi. Thụ tinh nhân tạo hay còn gọi là bơm tinh trùng vào buồng tử cung là một trong những biện pháp hỗ trợ sinh sản hiệu quả cao hiện nay và trở thành lựa chọn của rất nhiều cặp vợ chồng vô sinh hiếm muộn.

Hai là, đối với phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm.

Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP, ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo: *“Thụ tinh trong ống nghiệm là sự kết hợp giữa noãn và tinh trùng trong ống nghiệm để tạo thành phôi”*. Hay nói cách khác, phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm là phương pháp mà trứng và tinh trùng được thụ tinh bên ngoài cổ tử cung của người phụ nữ. Đây là phương pháp điều trị hiếm muộn trong các trường hợp: Tắc nghẽn ống dẫn trứng; lạc nội mạc tử cung; tinh trùng ít, yếu, dị dạng; xin trứng;... Đây cũng là biện pháp được nhiều cặp vợ chồng vô sinh, phụ nữ độc thân tìm đến và mang lại hiệu quả tương đối cao.

Những trường hợp được áp dụng sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản: Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP: *“Cặp vợ chồng vô sinh và phụ nữ độc thân có quyền sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm theo chỉ định của bác sĩ chuyên khoa”*. Như vậy, pháp luật cho phép áp dụng biện pháp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản trong hai trường hợp:

Đối với cặp vợ chồng vô sinh² và đối với người phụ nữ độc thân³.

2. Vấn đề thừa kế của cá nhân được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản

Vấn đề pháp lý được đặt ra đối với người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản là quyền thừa kế của họ được bảo đảm như thế nào và điều kiện để được hưởng di sản thừa kế của họ có khác so với người sinh ra tự nhiên thông thường hay không?

Thứ nhất, xét về điều kiện chung của người thừa kế, người sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cũng phải thoả mãn điều kiện chung của người thừa kế là phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai vào thời điểm người để lại di sản chết; không rơi vào trường hợp bị truất, bị tước quyền hưởng di sản.

Trên thực tế, có nhiều trường hợp người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được thụ tinh sau khi người để lại di sản chết vẫn mong muốn được nhận di sản vì người chết là cha đẻ của người được sinh ra. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, nếu di sản được phân chia thì người này sẽ không được hưởng di sản thừa kế dù là theo di chúc hay theo pháp luật. Điều này là hợp lý bởi người sinh ra tự nhiên hay người sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì về nguyên tắc cũng phải đảm bảo năng lực chủ thể khi tham gia quan hệ thừa kế. Pháp luật dân sự đã quy định tại Điều 16 Bộ luật dân sự năm 2015: *“Năng lực pháp luật của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết”*. Hơn nữa, khi một người chưa thành thai thì không thể coi như một thực thể tự nhiên tồn tại trên đời để có thể được xác định tư cách chủ thể. Do đó, để đảm bảo tính phù hợp của pháp luật, đảm bảo sự công bằng giữa cá nhân được sinh ra tự nhiên và cá nhân được sinh ra bằng kỹ

² Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP

³ Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP

thuật hỗ trợ sinh sản, pháp luật quy định một người chưa thành thai vào thời điểm mở thừa kế không có quyền hưởng di sản là phù hợp.

Thứ hai, bên cạnh điều kiện chung, người thừa kế theo pháp luật phải là người thuộc diện và hàng thừa kế của người chết.

Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Như vậy, theo quy định này, người thừa kế theo pháp luật nếu là cha, mẹ và con thì phải là cha, mẹ đẻ, cha mẹ nuôi hoặc phải là con đẻ hoặc con nuôi của người chết. Như vậy, người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có đáp ứng các điều kiện đó hay không?

Đối với việc xác định cha, mẹ cho con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“1. Trong trường hợp người vợ sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì việc xác định cha, mẹ được áp dụng theo quy định tại Điều 88 của Luật này.

2. Trong trường hợp người phụ nữ sống độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì người phụ nữ đó là mẹ của con được sinh ra.

3. Việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con giữa người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi với người con được sinh ra.”

Như vậy, căn cứ vào Điều 93 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có hai trường hợp xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản:

(i) Trường hợp thứ nhất: Con sinh ra trong trường hợp vợ chồng vô sinh thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Trường hợp này sẽ áp dụng Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để xác định. Đối chiếu với quy định này thì:

1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định.

Như vậy, đối với trường hợp cha, mẹ vô sinh, theo quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc xác định cha mẹ trong trường hợp này căn cứ vào thời kỳ hôn nhân của cặp vợ chồng. Nếu đứa trẻ được sinh bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân thì được xác định là con chung của vợ chồng. Để đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, người vợ trong cặp vợ chồng vô sinh được xác định là mẹ của đứa trẻ trong mọi trường hợp, kể cả khi người mẹ là người nhận tinh trùng, nhận noãn hay nhận phôi của người khác và người chồng hợp pháp của người mẹ đó cũng chính là cha đứa trẻ, ngay kể cả chồng không phải là người cho tinh trùng.

Vậy trường hợp đứa trẻ được sinh ra trước thời kỳ hôn nhân mà được thừa nhận là con chung có áp dụng trong trường hợp này không? Theo logic, trước khi kết hôn mà người vợ thực hiện việc thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh trong ống nghiệm thì đó là trường hợp phụ nữ độc thân và chỉ xác định quan hệ mẹ con mà không xác định quan hệ cha con. Do đó, trong trường hợp con sinh ra trước ngày vợ, chồng đăng ký kết hôn và được vợ, chồng thừa nhận là con chung sẽ không được áp dụng đối với trường hợp con sinh ra bằng hỗ trợ kỹ thuật sinh sản.

Hơn nữa, đối với trường hợp người vợ thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản trước thời kỳ hôn nhân mà người chồng không thừa nhận con thì cũng rất dễ dàng để chứng minh vì các giấy tờ liên quan đến

việc thực hiện kỹ thuật thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh trong ống nghiệm chắc chắn sẽ không có tên và chữ ký của người chồng bởi trước đó người vợ đã làm thủ tục này với trường hợp luật cho phép là phụ nữ sống độc thân.

(ii) Trường hợp thứ hai: Xác định cha mẹ cho con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đối với phụ nữ độc thân.

Trường hợp này được áp dụng đối với những người phụ nữ không xác lập quan hệ hôn nhân nhưng mong muốn có con. Theo đó, việc xác định cha mẹ trong trường hợp này quy định tại 2 Điều 93 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp người phụ nữ sống độc thân sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì người phụ nữ đó là mẹ của con được sinh ra”*. Tức là, người phụ nữ độc thân này đương nhiên là mẹ của đứa trẻ được sinh ra đó. Như vậy, trong trường hợp này, khác với trẻ sinh ra tự nhiên, đứa trẻ chỉ có mẹ chứ không có bố.

Qua việc phân tích các quy định trên của pháp luật, có thể thấy trẻ sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được pháp luật quy định là con của bà mẹ đơn thân hoặc con của cặp vợ chồng thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không làm phát sinh quan hệ cha, mẹ và con giữa người cho tinh trùng, cho noãn, cho phôi với người con được sinh ra. Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề thừa kế của người được sinh ra bằng phương pháp hỗ trợ sinh sản có một số vấn đề pháp lý được đặt ra:

Một là, trường hợp cặp vợ chồng vô sinh không có noãn hoặc tinh trùng, người mẹ đơn thân không có noãn và hoàn toàn phải xin noãn và tinh trùng của người khác thì trong trường hợp này đứa trẻ là con gì của bố mẹ chúng? Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị định 10/2015 chỉ quy định đứa trẻ sẽ là con của cặp vợ chồng vô sinh hoặc con của bà mẹ đơn thân mà không xác định đó là con nuôi hay con đẻ.

Xác định theo lý thuyết và theo quy định của pháp luật hiện hành, đứa trẻ sinh ra trong trường hợp này không phải là con đẻ cũng không phải là con nuôi của người chết. Bởi lẽ, con đẻ của người chết phải là con có cùng huyết thống với cha mẹ đẻ và con nuôi thì phải được nhận nuôi và được đăng ký theo quy định của pháp luật hôn nhân gia đình và Luật Nuôi con nuôi.

Như vậy, nếu đối chiếu với Điều 651, đứa trẻ sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản trong trường hợp được xin noãn và tinh trùng sẽ không được nhận di sản thừa kế của cha mẹ của chúng bởi những đứa trẻ này không thỏa mãn điều kiện là “con đẻ, con nuôi” của người chết. Chính vì vậy, trong trường hợp này, nếu áp dụng trực tiếp quy định pháp luật về thừa kế thì quyền thừa kế của cá nhân sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản không được bảo đảm.

Tương tự như vậy, xét về hàng hai hoặc hàng ba thì người sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cũng không được coi là cháu ruột hoặc anh chị em ruột của người chết hoặc cháu ruột của người chết mà người chết là cô dì, chú bác... vì giữa những người này không có cùng huyết thống. Do đó, khi xác định điều kiện để trở thành người thừa kế thứ hai hoặc thứ ba của người chết, người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản sẽ không đáp ứng được điều kiện làm người thừa kế.

Như vậy, để đảm bảo quyền lợi cho những người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và cha mẹ của họ trong trường hợp này, chúng tôi kiến nghị nếu Bộ luật dân sự được sửa đổi thì cần sửa đổi Điều 651 theo hướng ghi nhận con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vào hàng thừa kế. Ví dụ: *Hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: con đẻ, con nuôi, con sinh ra bằng phương pháp hỗ trợ sinh sản; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha mẹ trong trường hợp con sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.*

Tuy nhiên, việc sửa đổi này vẫn gặp khó khăn vì còn phải sửa đổi cả hàng hai và

hàng ba theo hướng thừa nhận mối quan hệ của người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản với những người khác trong quan hệ gia đình như anh, chị, em, ông bà, cô, dì, chú bác... Chính vì vậy, theo chúng tôi, cách thuận lợi hơn là sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình theo hướng thừa nhận con được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản được coi như con đẻ của cha mẹ thực hiện việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, từ đó sẽ phát sinh hệ quả tất yếu của các mối quan hệ của những người thân trong gia đình với người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản như đối với con đẻ. Tuy nhiên, ở giai đoạn trước mắt, để đảm bảo việc thực hiện pháp luật được thống nhất, dễ dàng, hiệu quả, Tòa án nhân dân tối cao có thể công bố án lệ hoặc ban hành Nghị quyết hướng dẫn về nội dung này.

Hai là, đối với trường hợp thừa kế thế vị và thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc: Khác với quy định tại Điều 651 về hàng thừa kế có quy định cụ thể phải là con đẻ hoặc con nuôi, đối với trường hợp thừa kế thế vị (Điều 652 Bộ luật dân sự) và thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc (Điều 644 Bộ luật dân sự) lại không quy định rõ người thừa kế trong hai trường hợp này bắt buộc phải là con đẻ hay con nuôi. Vì vậy, câu hỏi đang gây tranh cãi hiện nay là những người con nào sẽ được hưởng thừa kế trong những trường hợp này? Chỉ có con đẻ, con nuôi được hưởng hay cả con riêng, con được sinh ra bằng kỹ thuật sinh sản, con dâu, con rể... được hưởng?

Hiện nay, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, địa vị pháp lý của tất cả những người con này cũng không hoàn toàn giống nhau⁴. Chính vì vậy, trong trường hợp này, việc sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình theo hướng công nhận con sinh ra

bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản có các quyền và nghĩa vụ như con đẻ như kiến nghị ở trên cũng phần nào giải quyết được câu hỏi trên. Tuy nhiên, để việc áp dụng pháp luật được thống nhất, về lâu dài, các quy định của Bộ luật dân sự liên quan đến người thừa kế thế vị và người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc cũng cần phải được sửa đổi bổ sung theo hướng quy định rõ ràng người con nào sẽ được hưởng di sản thừa kế của người chết để lại.

Thứ ba, trường hợp cặp vợ chồng vô sinh, phụ nữ độc thân vẫn có thể thụ thai bằng noãn hoặc tinh trùng của mình đã thực hiện thụ tinh nhân tạo hoặc thụ tinh trong ống nghiệm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lại có sự sai sót và nhầm lẫn và sau đó xét nghiệm đưa trẻ lại không phải là con đẻ của cặp vợ chồng đó hoặc người phụ nữ độc thân đó thì việc xác định cha mẹ đưa trẻ sẽ được thực hiện như thế nào. Khi đó, việc xác định cha mẹ của trẻ ngoài việc có ảnh hưởng tới các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ con còn có ảnh hưởng rất lớn đến quyền thừa kế của đứa trẻ đó. Trong trường hợp này, chúng tôi cho rằng cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng cần hướng dẫn rõ ràng để đảm bảo quyền lợi cho người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và cả quyền lợi của người đã thực hiện việc sinh con bằng kỹ thuật này.

Tóm lại, với quy định của pháp luật hiện hành thì quyền được thừa kế của cá nhân được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản đang bị hạn chế bởi một số quy định chưa rõ ràng. Trong thời gian tới, để đảm bảo sự bình đẳng của cá nhân trong việc thừa kế, pháp luật dân sự Việt Nam cần sửa đổi và hoàn thiện theo hướng công nhận mối quan hệ cha, mẹ và con của người được sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản như con đẻ. Việc ghi nhận này sẽ đảm bảo được quyền lợi của những người sinh ra bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, cha mẹ của họ cũng như đảm bảo được sự áp dụng thống nhất pháp luật trong thực tiễn./.

⁴ Điều 68, 69, 70, 78, 79, 80... Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ với con trong các trường hợp đối với các con khác nhau là khác nhau.